SAO Y; SỞ XÂY DỰNG; 30/09/2026; 14:22:25; +07:00

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số ...4282.../CB-ACECO	*An Giang, ngày ..28..-09-..2026....*

SỞ XÂY DỰNG AN GIANG
ĐẾN Số: 40106O
Ngày: 30/9/2026
Chuyển:
Lưu hồ sơ số:

CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Kính gửi: **Sở Xây dựng tỉnh An Giang**

Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ xây dựng;

Căn cứ công văn số 3491/SXD-QLCLCT ngày 17/04/2026 của Sở xây dựng tỉnh An Giang về việt tự công bố công khai thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng trên địa bàn tỉnh An Giang theo quy định tại Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ.

1. **Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng: CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM AN GIANG**

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (giấy phép đầu tư) số: 1600669108, cấp lần đầu ngày 01/09/2003, cấp lần thứ 12 ngày 09/03/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.
- Địa chỉ: Quốc lộ 91, khóm An Thới, phường Mỹ Thới, tỉnh An Giang
- Điện thoại: 0296.931185
- Mã số thuế: 1600669108
- Email: btltag@aceco.com.vn Website: aceco.com.vn
- Đáp ứng các yêu cầu chung: Phòng thử nghiệm xây dựng Vilas 463 – Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm An Giang được công nhận phù hợp theo các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017, theo quyết định số 1444/QĐ-VPCNCLQG ngày 02/06/2026 của Văn phòng Công nhận Chất lượng Quốc Gia kem theo

2. **Thông tin phòng thí nghiệm:**
PHÒNG THỬ NGHIỆM XÂY DỰNG VILAS 463 - CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM AN GIANG

- Địa chỉ: Quốc lộ 91, khóm An Thới, phường Mỹ Thới, tỉnh An Giang
- Điện thoại: 0296.931185 – 0919461289

3. **Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm đăng ký đủ điều kiện hoạt động:**

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
I.	**Cốt liệu cho bê tông và vữa (Đá dăm, cát)**			
1.	Xác định thành phần hạt	TCVN 7572-2 : 2006	- Bộ sàng tiêu chuẩn - Cân kỹ thuật - Máy lắc sàng - Tủ sấy	Phạm Bửu Lộc Tạ Văn Cảnh Vũ Trọng Tú Nguyễn Mạnh Cường Nguyễn Cao Cường Nguyễn Tiến Vinh
2.	Xác định khối lượng thể tích xốp và độ hổng	TCVN 7572-6 : 2006	- Thùng đong - Cân kỹ thuật - Phễu chứa vật liệu - Bộ sàng tiêu chuẩn - Tủ sấy - Thước lá kim loại	
3.	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7 : 2006	- Cân kỹ thuật - Tủ sấy - Dụng cụ đảo mẫu - Khay đựng mẫu	
4.	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cột liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8 : 2006	- Cân kỹ thuật - Tủ sấy - Thùng rửa cốt liệu - Que sắt - Tấm kính	
5.	Xác định độ nén dập và hệ số mềm hóa của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11 : 2006	- Cân kỹ thuật - Tủ sấy - Thùng ngâm mẫu - Xi lanh bằng thép - Máy nén thủy lực - Bộ sàng tiêu chuẩn	
6.	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13 : 2006	- Cân kỹ thuật - Tủ sấy - Bộ sàng tiêu chuẩn - Thước kẹp cải tiến	
7.	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa	TCVN 7572-17 : 2006	- Cân kỹ thuật - Tủ sấy - Bộ sàng tiêu chuẩn - Kim sắt và kim nhôm - Búa con	

II.	**Hỗn hợp bê tông**			
8.	Xác định độ sụt	TCVN 3106 : 2022	- Bộ côn thử độ sụt - Bay - Thước lá thép	Phạm Bửu Lộc Tạ Văn Cảnh Vũ Trọng Tú Nguyễn Cao Cường
9.	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3108 : 1993	- Cân điện tử - Bàn rung - Thùng 5lít, 15lít - Thước lá thép	
III.	**Bê tông nặng**			
10.	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115 : 2022	- Cân kỹ thuật - Thước cặp - Tủ sấy	Phạm Bửu Lộc Tạ Văn Cảnh Vũ Trọng Tú Nguyễn Cao Cường
11.	Đúc mẫu, chuẩn bị mẫu và xác định cường độ nén	TCVN 3105:2022 TCVN 3118:2022	- Khuôn đúc mẫu - Cân điện tử 150 kg - Bàn rung - Dụng cụ đúc mẫu (Bay, xẻng, Khay) - Máy nén - Thước cặp, thước góc	
IV.	**Cột điện bê tông cốt thép ly tâm**			
12.	Xác định kích thước, kiểm tra ngoại quan và các khuyết tật	TCVN 5847 : 2016 JIS A 5373:2016	- Thước cuộn 20m - Thước cặp 0,3m - Thước thép lá - Kính lúp - Bộ căn lá thép - Ê ke - Cân điện tử 1000 kg, 3000 kg - Bộ dàn gá thử trụ	Phạm Bửu Lộc Tạ Văn Cảnh Vũ Trọng Tú Nguyễn Cao Cường Trần Hữu Cảnh
13.	Xác định khả năng chịu tải – Thử uốn nứt			
14.	Xác định khả năng chịu tải - Thử uốn gãy			
V.	**Cọc bê tông ly tâm ứng lực trước**			
15.	Xác định kích thước, ngoại quan và các khuyết tật	TCVN 7888 : 2014 JIS A 5373:2016	- Thước cuộn 20m - Thước cặp 0,3m - Thước thép lá - Kính lúp - Bộ căn lá thép - Ê ke - Bộ kích thủy lực - Bộ dàn gá thử cọc - Đồng hồ so - Máy hàn điện	Phạm Bửu Lộc Tạ Văn Cảnh Vũ Trọng Tú Nguyễn Cao Cường
16.	Xác định độ bền uốn nứt thân cọc			
17.	Xác định độ bền uốn gãy thân cọc			
18.	Xác định độ bền uốn mối nối			

Tất cả các nội dung thông tin này được công bố công khai tại Website: aceco.com.vn của Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm An Giang

Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm An Giang chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ và nội dung công bố; cam kết hành nghề hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo đúng nội dung công bố và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

ĐẠI DIỆN
TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG
THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG
Giám Đốc

M.S.D.N: 1600669108
CÔNG TY CP BÊ TÔNG LY TÂM AN GIANG
T.P LONG XUYÊN-T.AN GIANG

Lê Duy Cửu

CÔNG TY CỔ PHẦN
BÊ TÔNG LY TÂM AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH MỤC MÁY MÓC, THIẾT BỊ, DỤNG CỤ THỬ NGHIỆM, ĐO LƯỜNG PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM

1. Trang thiết bị cần kiểm định/hiệu chuẩn

TT	Tên máy móc, thiết bị, dụng cụ, kiểu loại, thông số kỹ thuật chính	Số seri thiết bị	Năm sản xuất, nước sản xuất	Năm đưa vào sử dụng	Tình trạng thiết bị *(ghi số GCN kiểm định/hiệu chuẩn và thời hạn kiểm định/hiệu chuẩn)*	Ghi chú
01.	Máy thử nén bê tông 2000 kN	C831	MATE ST	10/2010	Tốt, số GCN hiệu chuẩn ATJ.25.018, thời hạn 25/11/2026	
02.	Máy thử nén bê tông 3000 kN	C070P D103	MATEST	11/2013	Tốt, số GCN hiệu chuẩn ATJ.25.019, thời hạn 25/11/2026	
03.	Bộ sàng thử nghiệm cát lỗ tròn MATEST-ITALY	MATE ST	MATEST	10/2010	Tốt, số GCN hiệu chuẩn ATJ.25.029-ATJ.25.035, thời hạn 25/11/2026	
04.	Bộ sàng thử nghiệm đá lỗ tròn MATEST-ITALY	MATE ST	MATEST	09/2010	Tốt, số GCN hiệu chuẩn ATJ.25.022-ATJ.25.028, thời hạn 25/11/2026	
05.	Cân điện tử 6200g	B6235 80457	OHAUS®	10/2020	Tốt, số GCN hiệu chuẩn ATJ.25.021, thời hạn 25/11/2026	
06.	Cân điện tử 4100 g	83313 30538	OHAUS®	11/2010	Tốt, số GCN hiệu chuẩn ATJ.25.048, thời hạn 25/11/2026	
07.	Cân điện tử 3000 kg	15300	JADEVER	10/2022	Tốt, số GCN hiệu chuẩn ATJ.25.043, thời hạn 25/11/2026	
08.	Cân điện tử 1000 kg	200511	TAIWAN	11/2010	Tốt, số GCN hiệu chuẩn ATJ.25.045, thời hạn 25/11/2026	

TT	Tên máy móc, thiết bị, dụng cụ, kiểu loại, thông số kỹ thuật chính	Số seri thiết bị	Năm sản xuất, nước sản xuất	Năm đưa vào sử dụng	Tình trạng thiết bị *(ghi số GCN kiểm định/hiệu chuẩn và thời hạn kiểm định/hiệu chuẩn)*	Ghi chú
09.	Cân điện tử 150 kg	B0001120JBT	OHAUS®	11/2012	Tốt, số GCN hiệu chuẩn ATJ.25.041, thời hạn 25/11/2026	
10.	Tủ sấy MEMMERT *Model UM500*	B500.0546	Memmert	10/2010	Tốt, số GCN hiệu chuẩn ATJ.25.049, thời hạn 25/11/2026	
11.	Búa thử bê tông	1262	Italy	10/2020	Tốt, số GCN hiệu chuẩn ATJ.25.046, thời hạn 25/11/2026	
12.	Kính đo vết nứt	24030 BREMBATE DI	MATEST	10/2010	Tốt, số GCN hiệu chuẩn ATJ.25.014, thời hạn 25/11/2026	
13.	Nhiệt -Âm kế	062150720	DAEWON-KOREA	11/2010	Tốt, số GCN hiệu chuẩn ATJ.25.047, thời hạn 25/11/2026	
14.	Nhiệt kế lưỡng kim	-	DAEWON-KOREA	11/2020	Tốt, số GCN hiệu chuẩn ATJ.25.042, thời hạn 25/11/2026	
15.	Thước cặp 0,3 m	15352893	Mitutoyo	10/2010	Tốt, số GCN hiệu chuẩn ATJ.25.010, thời hạn 25/11/2026	
16.	Thước kẹp cải tiến	H10935	Việt nam	11/2010	Tốt, số GCN hiệu chuẩn ATJ.25.011, thời hạn 25/11/2026	
17.	Thước cuộn thép 20m	2152DD6/4	GOODMAN	10/2010	Tốt, số GCN hiệu chuẩn ATJ.25.015, thời hạn 25/11/2026	
18.	Bộ căn lá	2152DD6/7	Trung quốc	10/2020	Tốt, số GCN hiệu chuẩn ATJ.25.012, thời hạn 25/11/2026	

TT	Tên máy móc, thiết bị, dụng cụ, kiểu loại, thông số kỹ thuật chính	Số seri thiết bị	Năm sản xuất, nước sản xuất	Năm đưa vào sử dụng	Tình trạng thiết bị *(ghi số GCN kiểm định/hiệu chuẩn và thời hạn kiểm định/hiệu chuẩn)*	Ghi chú
19.	Kích thủy lực và đồng hồ áp suất	1715753	LARZEP	11/2010	Tốt, số GCN hiệu chuẩn ATJ.25.020, thời hạn 25/11/2026	
20.	Đồng hồ so 50 mm/0,01	BLBY38	Nhật bản	10/2023	Tốt, số GCN hiệu chuẩn ATJ.25.017, thời hạn 25/11/2026	
21.	Ống đong chia độ	KL190647	VITLAB	10/2020	Tốt, số GCN hiệu chuẩn ATJ.25.016, thời hạn 25/11/2026	
22.	Thùng đong 1l, 2l, 3l, 5l		Việt nam	10/2010	Tốt, số GCN hiệu chuẩn ATJ.25.036-ATJ.25.039, thời hạn 25/11/2026	

2. Trang thiết bị khác

STT	Tên thiết bị	Số seri thiết bị	Đặc trưng kỹ thuật	Ngày đưa vào sử dụng	Ghi chú
01.	Máy trộn bê tông	-	200 lít	08/2013	
02.	Khuôn trụ thử nghiệm bê tông (24 khuôn)	-	150 x 300 mm	10/2010	
03.	Khuôn trụ thử nghiệm bê tông (12 khuôn)	-	100 x 200 mm	10/2016	
04.	Khuôn trụ thử nghiệm bê tông (9 khuôn)	-	200 x 300 mm	10/2016	
05.	Khuôn hình lập phương thử nghiệm bê tông *(27 khuôn)*	-	150x150x150 mm	10/2010	
06.	Bàn rung khuôn	N.9 Ord152	Length: 600 mm	10/2010	
07.	Bộ đo độ sụt	N1	d: 100 mm D: 200 mm h: 300 mm	10/2010	
08.	Máy lắc rây	Ro-Tap®RX	Φ200	10/2010	
09.	Bộ dàn gá thử nghiệm cột điện	-		10/2010	
10.	Dàn gá thử nghiệm cọc bê tông ly tâm	-		10/2010	

STT	Tên thiết bị	Số seri thiết bị	Đặc trưng kỹ thuật	Ngày đưa vào sử dụng	Ghi chú
11.	Kim sắt và kim nhôm Búa con	-		11/2010	
12.	Bộ khay thử cát, đá	-	Các loại khay	10/2010	
13.	Dung cụ đúc mẫu bê tông	-		10/2010	
14.	Thùng rửa cốt liệu nhỏ	-	D = 120 mm, h = 320 mm	10/2011	
15.	Thùng rửa cốt liệu lớn	-	D = 250 mm, h = 350 mm	10/2011	
16.	Xi lanh Φ75, Φ150 mm bằng thép	-	Φ75 mm, Φ150 mm	10/2011	
17.	Êke	-	500mm x 500mm	10/2011	

3. Lĩnh vực thử, phép thử, chỉ tiêu thử nghiệm đăng ký hoạt động tương ứng với máy móc, thiết bị, dụng cụ thử nghiệm

STT	Tên máy móc, thiết bị, dụng cụ thử nghiệm	Tên lĩnh vực thử nghiệm đăng ký hoạt động	Ghi chú
I.	**Cốt liệu cho bê tông và vữa (Đá dăm, cát)**		
01.	- Bộ sàng tiêu chuẩn - Cân kỹ thuật - Máy lắc sàng - Tủ sấy	Xác định thành phần hạt	
02.	- Thùng đong - Cân kỹ thuật - Phễu chứa vật liệu - Bộ sàng tiêu chuẩn - Tủ sấy - Thước lá kim loại	Xác định khối lượng thể tích xốp và độ hổng	
03.	- Cân kỹ thuật - Tủ sấy - Dụng cụ đảo mẫu - Khay đựng mẫu	Xác định độ ẩm	
04.	- Cân kỹ thuật - Tủ sấy - Thùng rửa cốt liệu - Que sắt - Tấm kính	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cột liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	
05.	- Cân kỹ thuật - Tủ sấy - Thùng ngâm mẫu - Xi lanh bằng thép - Máy nén thủy lực - Bộ sàng tiêu chuẩn	Xác định độ nén dập và hệ số mềm hóa của cốt liệu lớn	

STT	Tên máy móc, thiết bị, dụng cụ thử nghiệm	Tên lĩnh vực thử nghiệm đăng ký hoạt động	Ghi chú
06.	- Cân kỹ thuật - Tủ sấy - Bộ sàng tiêu chuẩn - Thước kẹp cải tiến	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	
07.	- Cân kỹ thuật - Tủ sấy - Bộ sàng tiêu chuẩn - Kim sắt và kim nhôm - Búa con	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa	
II.	**Hỗn hợp bê tông**		
08.	- Bộ côn thử độ sụt - Bay Thước lá thép	Xác định độ sụt	
09.	- Cân điện tử - Bàn rung - Thùng 5lít, 15lít - Thước lá thép	Xác định khối lượng thể tích	
III.	**Bê tông nặng**		
10.	- Cân kỹ thuật - Thước cặp - Tủ sấy	Xác định khối lượng thể tích	
11.	- Khuôn đúc mẫu - Cân điện tử 150 kg - Bàn rung - Dụng cụ đúc mẫu (Bay, xẻng, Khay) - Máy nén - Thước cặp, thước góc	Đúc mẫu, chuẩn bị mẫu và xác định cường độ nén	
IV.	**Cột điện bê tông cốt thép ly tâm**		
12.	- Thước cuộn 20m - Thước cặp 0,3m - Thước thép lá	Xác định kích thước, kiểm tra ngoại quan và các khuyết tật	
13.	- Kính lúp - Bộ căn lá thép	Xác định khả năng chịu tải – Thử uốn nứt	
14.	- Ê ke - Cân điện tử 1000 kg, 3000 kg - Bộ dàn gá thử trụ	Xác định khả năng chịu tải - Thử uốn gãy	
V.	**Cọc bê tông ly tâm ứng lực trước**		
15.	- Thước cuộn 20m - Thước cặp 0,3m	Xác định kích thước, ngoại quan và các khuyết tật	
16.	- Thước thép lá - Kính lúp	Xác định độ bền uốn nứt thân cọc	
17.	- Bộ căn lá thép - Ê ke	Xác định độ bền uốn gãy thân cọc	

STT	Tên máy móc, thiết bị, dụng cụ thử nghiệm	Tên lĩnh vực thử nghiệm đăng ký hoạt động	Ghi chú
18.	- Bộ kích thủy lực - Bộ dàn gá thử cọc - Đồng hồ so - Máy hàn điện	Xác định độ bền uốn mối nối	

Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm An Giang cam kết các nội dung khai báo trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã khai báo.

LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC

Giám Đốc

M.S.D.N: 1600669108 CÔNG TY CP BÊ TÔNG LY TÂM AN GIANG T.P LONG XUYÊN-T.AN GIANG

Lê Duy Cửu

ỦY BAN TIÊU CHUẨN
ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
VĂN PHÒNG
CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1444 /QĐ-VPCNCLQG

Hà Nội, ngày 02 tháng 06 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận phòng thí nghiệm

SAO Y NGUYÊN VĂN BẢN CHÍNH
Ngày 28 tháng 9 năm 2026

GIÁM ĐỐC
VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 70/2025/QH15;
Căn cứ Quyết định số 718/QĐ-TĐC của Chủ tịch Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia ngày 02 tháng 04 năm 2025 v/v quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia;
Theo đề nghị của Đoàn chuyên gia đánh giá và Ban thẩm xét.

TL. GIÁM ĐỐC
TP. NS - HC
Trần Vương Đức

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công nhận Phòng thí nghiệm:

PHÒNG THỬ NGHIỆM XÂY DỰNG
CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM AN GIANG

phù hợp theo các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 với phạm vi công nhận như được đề cập trong Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2: Phòng thí nghiệm mang số hiệu: **VILAS 463**

Điều 3: Phòng thí nghiệm được công nhận ở Điều 1 phải tuân thủ đầy đủ các yêu cầu về công nhận theo quy định hiện hành.

Điều 4: Trường hợp Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm An Giang cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm An Giang phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này.

Điều 5: Quyết định này có hiệu lực từ ngày 02 tháng 06 năm 2026 đến ngày 01 tháng 06 năm 2031 và Phòng thí nghiệm sẽ chịu sự giám sát định kỳ mỗi năm một lần.

Điều 6: Quyết định này thay thế cho Quyết định số 949/QĐ-VPCNCL ngày 22 tháng 05 năm 2023 của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng (nay là Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia).

Nơi nhận:
- Như Điều 1;
- HS đánh giá;
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC

TS. Trần Thị Thu Hà

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo Quyết định số/ Attachment with decision: 1444 ***/QĐ–VPCNCLQG ngày*** 02 ***tháng 06 năm 2026 của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia/ of BoA Director)***

Tên phòng thí nghiệm:	**Phòng thử nghiệm xây dựng**
Laboratory:	***Civil engineering testing Laboratory***
Cơ quan chủ quản:	**Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm An Giang**
Organization:	***An Giang Centrifugal concrete Jointstock company***
Số hiệu/ *Code:*	**VILAS 463**
Chuẩn mực công nhận/ *Accreditation criteria*	**ISO/IEC 17025:2017**
Lĩnh vực:	**Vật liệu xây dựng**
Field:	***Civil - Engineering***
Người quản lý/ *Laboratory manager*:	**Phạm Bửu Lộc**
Hiệu lực công nhận/ *Period of Validation:*	**Kể từ ngày** 02 **/06/2026 đến ngày** 01 **/06/2031**
Địa chỉ/ *Address*:	**Quốc lộ 91, khóm An Thới, phường Mỹ Thới, tỉnh An Giang** / ***Naional Highway 91, An Thoi hamlet, My Thoi ward, An Giang province***
Địa điểm/ *Location:*	**Quốc lộ 91, khóm An Thới, phường Mỹ Thới, tỉnh An Giang** / ***Naional Highway 91, An Thoi hamlet, My Thoi ward, An Giang province***
Điện thoại/ *Tel*:	**0919461289**
E-mail:	**tavancanh01@gmail.com**
Website:	

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 463

Lĩnh vực thử nghiệm: Vật liệu xây dựng

Field of testing: Civil - Engineering

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ *Materials or product tested*	Tên phép thử cụ thể/ *The name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	Phương pháp thử/ *Test method*
01.	**Cốt liệu cho bê tông và vữa** *Aggregates for concrete and mortar*	Xác định thành phần hạt *Determination of Particle size distribution*	-	TCVN 7572-2:2006
02.		Xác định khối lượng thể tích xốp và độ hổng *Determination of bulk density and voids*	-	TCVN 7572-6:2006
03.		Xác định độ ẩm *Determination of moisture*	-	TCVN 7572-7:2006
04.		Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cột liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ *Determination of content of dust, mud and clay in aggregate and content of clay lumps in fine aggregate*	-	TCVN 7572-8:2006
05.		Xác định độ nén dập và hệ số mềm hóa của cốt liệu lớn *Determination of crushing value (ACV) and softening coefficient of coarse aggregate*	-	TCVN 7572-11:2006
06.		Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn *Determination of elongation and flakiness index of coarse aggregate*	-	TCVN 7572-13:2006
07.		Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa *Determination of feeble weathered particle content*	-	TCVN 7572-17:2006
08.	**Hỗn hợp bê tông** *Mixed concrete*	Xác định độ sụt *Determination of slump*	-	TCVN 3106:2022
09.		Xác định khối lượng thể tích *Determination of density*	-	TCVN 3108:1993
10.	**Bê tông nặng** *Heavyweight concrete*	Xác định khối lượng thể tích *Determination of density*	-	TCVN 3115:2022
11.		Đúc mẫu, chuẩn bị mẫu và xác định cường độ nén *Making, preparing sample and Determination of compressive strength*	Max 3 000 kN	TCVN 3118:2022 và / *and* TCVN 3105:2022

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ *Materials or product tested*	Tên phép thử cụ thể/ *The name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	Phương pháp thử/ *Test method*
12.	**Cột điện bê tông cốt thép ly tâm** ***Spun precast reinforced concrete poles***	Xác định kích thước, kiểm tra ngoại quan và các khuyết tật *Determination of dimension, appearance and defects check*	Đến/ *to* 26 m	TCVN 5847:2016 JIS A 5373:2016 Annex A; Recommended specification A-1
13.		Xác định khả năng chịu tải – Thử uốn nứt *Determination of loading capacity - Crack bending test*	Max 3 000 kgf	
14.		Xác định khả năng chịu tải – Thử uốn gãy *Determination of loading capacity – Fracture bending test*	Max 3 000 kgf	
15.	**Cọc bê tông ly tâm ứng lực trước** ***Pretensioned spun concrete piles***	Xác định kích thước, ngoại quan và các khuyết tật *Determination of dimension – appearance and defects check*	Đến/ *to* 20 m	TCVN 7888:2014 JIS A 5373:2016 Annex E; Recommended specification E-1
16.		Xác định độ bền uốn nứt thân cọc *Determination of the crack bending strength of the pile*	Max 250 bar	
17.		Xác định độ bền uốn gãy thân cọc *Determination of the fracture bending strength of the pile*	Max 250 bar	
18.		Xác định độ bền uốn mối nối *Determination of flexural strength of the joint*	Max 250 bar	

Ghi chú/ *Note*:

- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam / *National Vietnam Standards*;
- JIS: Tiêu chuẩn Công nghiệp Nhật Bản / *Japanese Industrial Standards.*

Trường hợp Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm An Giang cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm An Giang phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for An Giang Centrifugal concrete Jointstock company that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service./.*

ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA (STAMEQ)
VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA (BoA)

CHỨNG CHỈ CÔNG NHẬN

Phòng thí nghiệm:

PHÒNG THỬ NGHIỆM XÂY DỰNG
CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM AN GIANG

Địa điểm PTN:

Quốc lộ 91, khóm An Thới, phường Mỹ Thới, tỉnh An Giang

đã được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn

ISO/IEC 17025:2017

Lĩnh vực công nhận

VẬT LIỆU XÂY DỰNG,

Mã số

VILAS 463

SAO Y NGUYÊN VĂN BẢN CHÍNH
Ngày 28 tháng 9 năm 2026
TL. GIÁM ĐỐC
TP. NS-HC
Trần Vương Đức

M.S.D.N: 1500669108 CÔNG TY CP TÔNG LY TÂM AN GIANG TP. LONG XUYÊN-T. AN GIANG

Kèm theo Quyết định công nhận số: 1444/QĐ-VPCNCLQG ngày 02/06/2026
Chứng chỉ có hiệu lực từ ngày: 02/06/2026 đến 01/06/2031
Ngày được công nhận lần đầu: 03/03/2011

GIÁM ĐỐC
VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ – VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA – ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA

TS. Trần Thị Thu Hà